

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 08 - 2026

*V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Lê Trọng Thảo

Bà Bùi Việt Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Đạt – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắc Lắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắc Lắc tham gia phiên tòa:
Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắc Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T** – SN: 1987

Địa chỉ: Đường N, khu phố A, P.B, TP . Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí N** – SN: 1994

Địa chỉ: Thôn D, xã E, tỉnh Đắc Lắc, nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắc Lắc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Chí N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắc Lắc nay là xã E, tỉnh Đắc Lắc vào ngày 05/09/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng anh , chị hạnh phúc trong thời

gian đầu, có với nhau 01 con chung Nguyễn Hoàng Đ – SN: 13/10/2022 nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm và kinh tế, chị T khuyên bảo thì anh N đe dọa chị T, tuy được hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý nhưng chị T, anh N không thể sống hòa hợp được với nhau, tình cảm giữa chị T và anh N không còn nữa nên chị T và anh N đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho tới nay. Nay chị T thấy tình cảm giữa chị T và anh N không còn nữa nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

Về con chung: Chị T và anh N không có con riêng, con nuôi, anh, chị chỉ có 01 con chung cháu Nguyễn Hoàng Đ – SN: 13/10/2022. Nay ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu Đ cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Chí N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị T và anh Nguyễn Chí N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí N, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, tại nhà anh Nguyễn Chí N và tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tuy nhiên anh N đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy anh Nguyễn Chí N không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18 tháng 07 năm 2026 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị T ngày 20/07/2026 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành tổng

đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí N, về con chung giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên anh Nguyễn Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí N có nơi cư trú tại thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí N, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, tại nhà anh Nguyễn Chí N và tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk, đồng thời liên hệ qua số điện thoại của anh N tuy nhiên anh N đều vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 20/07/2026 nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Lê Thị T và anh Nguyễn Chí N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/09/2022 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Chí N là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị T và anh N nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, không hàn gắn được, hiện anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2025 cho tới nay. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị T và anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

[4] Về con chung: Chị T và anh N không có con nuôi, con riêng anh chị có 01 con chung Nguyễn Hoàng Đ – SN: 13/10/2022. Nay ly hôn chị T yêu cầu nuôi con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét điều kiện nuôi con của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy chị T có công việc ổn định và có nơi cư trú ổn định nên chị T có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với anh Nguyễn Chí N thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao con cho anh N nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Chí N phải cấp dưỡng nuôi con nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản, công nợ: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Đ – SN: 13/10/2022 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị T không được quyền ngăn cản anh Nguyễn Chí N đến thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Chí N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Chí N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0007361 ngày 25/06/2026.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Quốc Chính